

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số:12/2022/HS-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Biên
2. Bà Trần Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hoài Mai, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:32/2022/QĐXXST-HS ngày 04/3/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Hữu Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 11 tháng 01 năm 1989, tại thị xã H, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối 9, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu P, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960; Vợ Nguyễn Thị L, sinh năm: 1991; Con: Có 02 con lớn sinh năm 2012 nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 11 tháng 11 năm 2021 bị Công an thị xã H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “trộm cắp tài sản” với số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Quyết định số 121/QĐ-XPHC.

Nhân thân: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử phạt 16 (mười sáu) tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 303/2017/HSST chấp hành xong ngày 27/9/2018.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù về tội “ trộm cắp tài sản” theo bản án số 131/2021/hSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2021, đến nay (có mặt).

- Người bị hại:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Khối S, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

+ Anh Nguyễn Đình T, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Duy T, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Trú tại: Khối 14, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

+ Anh Nguyễn Đình C, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

+ Chị Đậu Thị D, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Đều trú tại: Khối 11, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1991 (có mặt)

Trú tại: Khối 9, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

- Người làm chứng: Chị Lê Thị M, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Trú tại: Khối 14, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian tại ngoại chờ xét xử sơ thẩm thì Lê Hữu Đ đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ ngày 24 tháng 11 năm 2021, Đ điều khiển xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 37L1-612.06 của bố đẻ là Lê Đức P đi chơi. Khi đi về qua bãi đất trống thuộc khối S, phường Q, thị xã H thì Đ thấy có 01 chiếc xe công nông của anh Nguyễn Văn T đang đậu ở bãi đất trống, trên ghế phụ của xe có một máy cắt sắt. Đ liền đến xem, thấy không có ai trông coi nên Đ đã bê máy cắt sắt xuống, đặt lên giá hàng phía trước xe rồi đi về nhà tại khối 9, phường Q, thị xã H cất giấu. Đến ngày 26 tháng 11 năm 2021, Đ gọi điện cho anh Nguyễn Duy T hỏi anh T có cần mua máy cắt sắt không để bán thì anh T trả lời “ để chiều lên xem”. Sau đó Đ tiếp tục gọi điện cho anh Nguyễn Duy T (sinh năm: 1994 trú tại khối 14, phường Q là con của anh T) hỏi anh T có mua không thì anh T xuống nhà Đ xem và đồng ý mua với giá là 400.000đ số tiền này Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 01 giờ ngày 29 tháng 11 năm 2021 Lê Hữu Đ đi xe mô tô của ông P đến khu vực gần ngã tư chợ thuộc thôn 3, xã Q, huyện Q để tìm tài sản trộm cắp. Đ thấy tại xưởng sản xuất sò táp lô của anh Nguyễn Đình T (sinh năm: 1969 trú tại: thôn 5, xã Q, huyện Q) có 01 máy đúc sò táp lô không có người trông coi nên Đ lấy mỏ lết đã mang sẵn từ trước tháo mô tơ điện trên máy đúc sò rồi để lên xe mô tô đi đến nhà chị Lê Thị M (sinh năm: 1974 trú tại khối 14, phường Q, thị xã H) là o ruột của Đ và nói có công việc nên gửi nhờ sẽ đến lấy sớm thì chị M tin tưởng nên đồng ý. Đến 05 giờ 30 phút cùng ngày Đ gọi điện cho anh Nguyễn Đình C (sinh năm: 1985 trú tại khối 11, phường Q, thị xã H) là người thu mua phế liệu hỏi anh C có mua mô tơ cũ không thì anh C nói có. Đ chở mô tơ đến cửa hàng của anh C và chị Đậu Thị D bán cho anh C, chị D với giá 1.200.000đ. Anh C và chị D đã tháo lõi lấy dây đồng bên trong để bán phế liệu, số tiền này Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

- Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Hoàng Mai đã thu giữ được số tài sản trên gồm: một vỏ mô tơ điện bằng kim loại có khối lượng 67kg và 04 lõi đồng tại cửa hàng của anh Nguyễn Đình C và một máy cắt sắt có nhãn hiệu Maktec243 do anh Nguyễn Duy T giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KLĐG ngày 30/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND thị xã Hoàng Mai kết luận:

- 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Maktec 243 đã qua sử dụng có giá trị 1.550.000đ (một triệu năm trăm, năm mươi nghìn đồng)

- 01 mô tơ điện công suất 7.5 KW, hình trụ đường kính 25cm, dài 35,5cm, có trục giữa dài 48cm, mô tơ đã cũ hoạt động bình thường có giá trị 2.950.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 21 tháng 01 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai đã truy tố Lê Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173- BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp với 18 (mười tám) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” tại bản án số 131/2021/HSST ngày 30/11/2021, của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 33 (ba mươi ba) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Đình Tyêu cầu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.560.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình T số tiền 1.560.000đ (một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Người bị hại anh Nguyễn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Đình C, chị Đậu Thị D đều không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hoàng Mai đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo luật định.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được vào khoảng 19 giờ ngày 24/11/2021 tại khối Sỹ T, phường Q, thị xã H bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản lén lút lấy trộm 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Maktet MT243 của anh Nguyễn Văn T đang để trên xe công nông có giá trị là 1.550.000đ đến khoảng 01 giờ ngày 29/11/2021 tại thôn 3, xã Q, thị xã huyện Q bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Đình T 01 mô tơ điện trị giá 2.950.000đ. Nên hành vi của bị cáo Lê Hữu Đ đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173-BLHS, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây bất bình trong xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng với bản chất lười lao động, ham chơi nhưng lại muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Ngày 24/11/2021 bị cáo trộm cắp tài sản có trị giá 1.550.000đ tuy nhiên tại thời điểm này bị cáo còn tiền sự chưa được xóa nên đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm đến ngày 29/11/2021 bị cáo lại tiếp tục trộm cắp tài sản có giá trị là 2.950.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản thân bị cáo còn có nhân thân xấu năm 2017 bị xử phạt 16 tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”, lần phạm tội này bị cáo thực hiện trong thời gian chờ chuẩn bị xét xử về hành vi phạm tội xảy ra tháng 10 năm 2021. Điều đó thể hiện bị cáo là người coi thường, bất chấp pháp luật, thách thức cơ quan bảo vệ pháp luật.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra kết hợp với xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội và căn cứ Điều 56 - BLHS, tổng hợp với 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 131/2021/HSST ngày 30/11/2021, của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173- BLHS thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh Tâm là 2.950.000đ, hiện anh Nguyễn Đình T đã được nhận lại tại sản là mô tơ điện tuy nhiên đã bị tháo rời, hư hỏng giá trị còn lại là 1.390.000đ. Vì vậy trong quá trình điều tra cũng như trong đơn xin được xét xử vắng mặt anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại với số tiền 1.560.000đ (một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) tương đương với phần trị giá tài sản bị hư hỏng. Tại phiên tòa bị cáo thống nhất bồi thường cho anh T số tiền 1.560.000đ theo như yêu cầu của anh T. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 BLHS; các Điều 584; 589 của BLDS buộc bị cáo Lê Hữu Đ phải bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Đình T số tiền 1.560.000đ (một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Người bị hại anh Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp, tài sản còn nguyên vẹn, không hư hỏng nên anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy T đã nhận được số tiền mà anh đã mua máy cắt sắt là 400.000đ do vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị L hoàn trả thay cho bị cáo nên anh T không yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Đình C, chị Đậu Thị D là người đã mua 01 mô tơ điện do bị cáo trộm cắp được với số tiền 1.200.000đ, số tài sản trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thu hồi để trả lại cho người bị hại. Tuy nhiên anh C, chị D không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên. Xét ý kiến của anh C, chị D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 192 và 194 - BLDS, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trên, nên miễn xét.

[6] Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét. Đối với chiếc mô lét trên đường về bị cáo đã làm mất nên không có căn cứ để xem xét.

[7] Đối với anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Đình Cn, chị Đậu Thị D là người đã mua tài sản do bị cáo trộm cắp được mà có, chị Lê Thị M đã cho bị cáo gửi tài sản. Tuy nhiên anh T, anh C, chị D, chị Mi đều không biết tài sản do bị cáo trộm cắp được mà có nên anh T, anh C, chị D, chị M không phạm tội.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 131/2021/HSST ngày 30/11/2021, của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 36 (ba mươi sáu) tháng tù,

được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/10/2021 đến ngày 19/10/2021 theo bản án số 131/2021/HSST ngày 30/11/2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam ngày 30 tháng 11 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589- BLDS: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Đình T số tiền 1.560.000đ (một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Những người bị hại anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Đình T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Đình C, chị Đậu Thị D vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Hoàng Mai;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền

